TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/**2022/HS-ST
Ngày: 08-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga
Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Tuyết
Ông Nguyễn Trí Phăng
Ông Vũ Văn Đán

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thúy Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/HSST ngày 01 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1993 tại tỉnh Bình Phước; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: Tổ 2, khu phố P, phường Đ, thị xã B, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông V, sinh năm 1966 và bà M, sinh năm 1973; bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con út trong gia đình; Bị cáo có vợ là H, sinh năm 1995 (đã ly hôn) và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2022 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư C – Luật sư Tộc Văn phòng luật sư Quốc tế - Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước; Địa chỉ: Số 420 Quốc lộ A, khu phố X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Bình Phước, có mặt;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông H, sinh năm 1960; Trú tại: Ấp 4, xã N, thành phố Z, tỉnh Bình Phước, có mặt.

Người làm chứng:

1. Đặng Xuân H, sinh năm 1988; Trú tại: Tổ 2, khu phố H, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước, vắng mặt;

2. Nguyễn Anh T, sinh năm 1989; Trú tại: Tổ 3, khu phố A, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, vắng mặt;

3. Huỳnh Gia L, sinh năm 1997; Trú tại: Tổ 1, khu phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước; Chổ ở: Tổ 6, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước, vắng mặt;

4. Nguyễn Thị Trung T, sinh năm 1976; HKTT: Tổ 5, Kp T, phường Đ, thị xã B, tỉnh Bình Phước, vắng mặt;

Người chứng kiến:

Anh Trần Ngọc C, sinh năm 1984; Trú tại: Tổ 3, khu phố P, phường Đ, thị xã B, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: Tổ 6, khu phố P, phường Đ, thị xã B, tỉnh Bình Phước, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N là người nghiện ma túy, thường xuyên sử dụng ma túy đá từ khoảng tháng 3/2021 đến nay. Khoảng cuối tháng 11/2021, N thuê căn nhà Tộc tổ 2, khu phố P, phường Đ, thị xã B, tỉnh Bình Phước của bà Nguyễn Thị Trung T, SN 1976, HKTT: khu phố T, phường Đ, thị xã B, tỉnh Bình Phước để sinh sống như vợ chồng với Huỳnh Gia L, SN 1997, HKTT: Tổ 01, khu phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Tổ 06, ấp 01, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Khoảng giữa tháng 12/2021, N nảy sinh ý định đi mua ma túy đá về để sử dụng. Do trước đó N biết tại khu vực ngã ba "3 Con Cò" ở thị xã B, tỉnh Bình Dương thường có người bán ma túy, nên N đón xe khách đến khu vực này để đi tìm mua ma túy. Khi đi đến địa điểm trên, N gặp một người tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) và mua của người này 02 gói ma túy đá với giá 13.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, N tiếp tục đón xe khách mang ma túy về nhà và chia ra thành 05 gói bỏ trong ví da màu đen cất giấu trong phòng ngủ để sử dụng dần. Để tránh bị người khác phát hiện khi lấy ma túy sử dụng, N tiếp tục lấy ma túy từ một trong 05 gói ma túy đã cất giấu chia ra một gói nylon nhỏ cất trong túi quần dài để sử dụng.

Đến khoảng 19 giờ ngày 20/01/2022, Đặng Xuân H, SN 1988, HKTT: Khu phố H, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước đang ở nhà thì nảy sinh ý định đi mua ma túy về sử dụng. Do H quen biết với N, cũng biết N là người nghiện ma túy, có ma túy nên H đi qua nhà Nguyễn Anh T, SN 1986, HKTT: tổ 3, khu phố A, phường A, thị xã B, Bình Phước, rủ T cùng đi đến nhà N hỏi mua ma túy về sử dụng thì T đồng ý. Khi H và T đi tới nhà N thì lúc này N và L đang ngồi ăn cơm trên nền nhà trong phòng khách nên H và T ngồi chơi ở bộ bàn ghế gỗ. Sau khi ăn cơm xong, L vào phòng ngủ nằm, còn N tới ngồi chơi với H và T. H hỏi N có ma túy đá không? nếu có chia lại cho H 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng thì N đồng ý và đi vào phòng ngủ lấy gói nylon nhỏ chứa ma túy trong túi ra lấy một ít bỏ vào một gói nylon nhỏ hơn đưa cho H, phần còn lại N bỏ vào lỗ tròn mặt sau loa trên bàn gỗ

trong phòng khách để cất giấu. Khi nhận 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền mua ma túy của H, N bỏ tiền vào trong ví da màu đen, rồi bỏ ví vào túi quần phía sau, còn H bỏ ma túy trong túi quần của H thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an tỉnh Bình Phước phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy của Công an thị xã B và Công an phường Đ tiến hành kiểm tra hành chính, phát hiện, bắt quả tang và đã T giữ:

- T giữ trong túi quần của H 01 gói nylon được hàn kín xung quanh có kích thước (3,5x1,1)cm, bên trong chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M), H khai nhận đây là ma túy mua của N và N cũng xác định đây là số ma túy N vừa bán cho H với số tiền 300.000 đồng;

- T giữ 01 ví da màu đen trong túi sau quần của N, bên trong có 9.376.000 đồng, N và H thừa nhận số tiền 300.000 đồng H đã đưa cho N là để mua ma túy và N đã cất tiền vào trong ví;

- Kiểm tra tại bàn gỗ trong phòng khách phát hiện trong lỗ tròn mặt sau loa màu xanh hiệu "SU. YOSO" có 01 túi nylon kích thước (3,4 x 2,6)cm bên trong chứa tinh thể màu trắng (M1), được hàn kín miệng bỏ trong túi nylon loại miệng khóa có kích thước 7,0 x 3,8cm;

- Kiểm tra và T giữ dưới gầm bàn gỗ trong phòng khách có tờ giấy màu hồng gấp xếp gói lại bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (M2);

N khai nhận toàn bộ số tinh thể màu trắng cất giấu trong phòng khách là ma túy đá của N. Ngoài ra, N còn khai số ma túy cất dấu trong loa màu xanh hiệu "SU. YOSO" là số ma túy N đã trích ra 01 phần bán cho H, số còn lại nếu H mua thì N cũng sẽ bán trong số ma túy đá này [BL 110] .

Sau đó, N còn khai nhận và cùng lực lượng Công an vào phòng ngủ để chỉ ví da màu đen kích thước (22,5x11x3,5)cm để trong thùng giấy chứa đồ dùng sau cánh cửa phòng ngủ có chứa ma túy. Kiểm tra bên trong ví này phát hiện có 01 bịch nylon màu đen có kích thước 30,5 x 26,5cm, bên trong có chứa 05 túi chứa tinh thể màu trắng (M3): 05 gói nylon chứa tinh thể màu trắng, các gói nylon có đặc điểm lần lượt như sau: 01 gói nylon kích thước (3x3,5)cm được hàn kín xung quanh; 01 gói nylon dạng khóa kéo miết kích thước (9x6,1)cm; 01 gói nylon dạng khóa kéo miết có kích thước (10,6 x9,6)cm; 01 gói nylon dạng khóa kéo miết có kích thước (8,1x6,0)cm bỏ trong trong một túi nylon bị cắt một đầu kích thước (8,0x6,2) và 01 gói nylon màu trắng dạng khóa kéo miết kích thước (13,6 x8,2)cm. N xác định 05 gói nylon chứa tinh thể màu trắng (M3) trên là ma túy đá của N cất dấu để sử dụng dần.

Cùng ngày, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an tỉnh Bình Phước đã ra Lệnh khám xét khẩn, khám xét nơi ở của N tại tổ 2, khu phố P, phường T, thị xã B, Bình Phước, T giữ tại phòng khách 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy để trên mặt bàn gỗ, 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter màu Đen BS: 93P1 – 102.85, SM: 509-091592, 01 điện thoại di động màu xanh hiệu OPPO và 01 điện thoại di động màu xanh hiệu xiaomi, Model: M2002F4LG (của Nguyễn Văn N); 01 Điện thoại di động hiệu IPHONE 11 Pro màu xám (của Huỳnh Gia L).

Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an tỉnh Bình Phước đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang T giữ vật chứng, đồ vật liên quan.

Quá trình điều tra, N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án [BL 22-31; 52-75; 91-111; 115-118; 123-128; A2-A5].

Kết quả kiểm tra người nghi vấn sử dụng ma túy: N và H dương tính với chất ma túy; L và T âm tính với chất ma túy [BL 90; 119; 129; 136].

Kết luận giám định số 33/2022/GĐ-MT ngày 25/01/2022 của Phòng Khoa học kỹ Tật hình sự Công an tỉnh Bình Phước [BL 76-80], kết luận:

- Tinh thể màu trắng (ký hiệu M) có trong 1 gói nylon được niêm phong gửi giám định là Ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0610 gam;

- Tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) có trong 1 gói nylon được niêm phong gửi giám định là Ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 2,0345 gam;

- Tinh thể màu trắng (ký hiệu M2) có trong gói giấy màu hồng được niêm phong gửi giám định là Ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,3946 gam;

- Tinh thể màu trắng (ký hiệu M3) có trong 5 gói nylon được niêm phong gửi giám định là Ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 111,8593 gam;

Tổng trọng lượng ma túy T giữ là 1A, 3494 gam Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy Tộc các danh mục: Danh mục IIC, số thứ tự 23323 của Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ.

Mẫu hoàn lại được niêm phong có khối lượng là M1 = 1,7630 gam; M2= 0,3068 gam; M3=107,5601 gam; Mẫu M đã sử dụng hết cho giám định.

Cáo trạng số 25/CT-VKSBP-P1 ngày 31/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 và điểm b khoản 4 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố đối với bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt**.**

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức hình phạt từ 03 đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 4 khoản Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức hình phạt từ 15 đến 16 năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt hai tội từ 18 đến 20 năm tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy các đồ vật là công cụ, pH tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội gồm:

+ 01 (một) bì thư dán kín đựng ma túy (mẫu vật hoàn lại sau giám định) ghi vụ số 33/M1 có chữ ký của đối tượng Nguyễn Văn N, Điều tra viên Nguyễn Văn T, Giám định viên Nguyễn Văn H và dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước.

+ 01 (một) bì thư dán kín đựng ma túy (mẫu vật hoàn lại sau giám định) ghi vụ số 33/M2 có chữ ký của đối tượng Nguyễn Văn N, Điều tra viên Nguyễn Văn T, Giám định viên Nguyễn Văn H và dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước

+ 01 (một) túi niêm phong ký hiệu PS1 dán kín đựng ma túy còn lại sau giám định ghi vụ số 33/M3 có chữ ký của đối tượng Nguyễn Văn N, Điều tra viên Nguyễn Văn T, Giám định viên Nguyễn Văn H và dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước;

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy;

+ 01 loa màu xanh hiệu "SU.YOSO"

+ 01 ví da màu đen;

+ 01 ví da màu đen kích thước (33xAx2,2) cm.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 11 Pro màu xám của Huỳnh Gia L do không liên quan đến vụ án nên đề nghị HĐXX hoàn trả lại cho L;

- Đối với 01 điện thoại di động màu xanh hiệu OPPO, 01 điện thoại di động màu xanh hiệu xiaomi, Model: M2002F4LG của bị cáo Nguyễn Văn N do không liên quan đến vụ án nên đề nghị HĐXX hoàn trả lại cho N;

- Đối với số tiền 9.376.000 đồng thu giữ của N, trong đó có số tiền 300.000 đồng từ việc bán ma túy cho H. Do đó, đề nghị HĐXX cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng do phạm tội mà có; đối với số tiền số tiền 9.076.000 đồng còn lại N khai đi làm dành dụm được, không có căn cứ xác định đây là số tiền do phạm tội mà có nên đề nghị HĐXX hoàn trả cho N, nhưng cần quản thủ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter màu Đen BS 93P1 - 102.85 thu giữ của Nguyễn Văn N: Kết quả xác minh xe đứng tên chủ sở hữu hợp pháp là ông H, SN 1960, HKTT: ấp 4, xã N, thành phố Z, Bình Phước. Khoảng giữa tháng 01/2022, ông H cho con ruột là Lê Quang Q, SN 1988, HKTT: ấp 4, xã N, Tp. Z, Bình Phước, mượn xe trên để sử dụng. Sau đó, Q đến gặp N mượn số tiền 2.500.000 đồng để làm công việc và để xe lại cho N giữ, hẹn khi trả tiền sẽ lấy xe nhưng Q chưa quay lại trả tiền và lấy xe thì N bị bắt. N đồng ý trả lại xe mô tô BS 93P1 - 102.85 cho ông H; đối với số tiền 2.500.000 đồng N cho Q mượn sẽ tự gặp Q để thỏa thuận để giải quyết, không yêu cầu cơ quan pháp luật xử lý; Ngày 13/5/2022, ông H có đơn xin nhận lại xe mô tô kèm theo giấy tờ liên quan. Xét xe mô tô trên không liên quan đến vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông H.

Đối với đối Đặng Xuân H và Nguyễn Anh T là người mua 300.000 đồng ma túy đá của N về để sử dụng, nhưng sau khi đã mua nhưng chưa sử dụng thì bị bắt quả tang. Kết luận giám định số ma túy bị T giữ trên người H khi bị bắt có khối lượng là 0,0610 gam nên không đủ định lượng xử lý trách nhiệm hình sự về tội

"Tàng trữ trái phép chất ma túy" đối với H và T. Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị Công an thị xã B xử phạt hành chính đối với Đặng Xuân H và Nguyễn Anh T về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy [BL 77; 154], nên không đề nghị Hội đồng xét xem xét;

Đối với Huỳnh Gia L là người ở chung nhà với Nguyễn Văn N, nhưng N và L đều khai L không biết việc N để ma túy trong nhà; N, L, H, T đều khai L không có mặt và không biết việc N bán ma túy cho H; bản thân L cũng không sử dụng ma túy, ngoài ra không có chứng cứ nào khác nên không có cơ sở xử lý L vai trò đồng phạm với N nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét;

Đối với bà Nguyễn Thị Trung T là người cho N thuê nhà, trong quá trình N thuê nhà thì bà T không biết việc N sử dụng nhà làm nơi Tàng trữ trái phép chất ma túy và Mua bán trái phép chất ma túy Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét;

Đối với đối tượng tên T là người bán ma túy cho N, có dấu hiệu phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên do chưa xác định được nhân thân lai lịch nên chưa có cơ sở xử lý.

Quan điểm người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, người bào chữa cho rằng hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bố mẹ bị cáo ly hôn khi bị cáo còn nhỏ, trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật bị hạn chế, hiện nay bị cáo đã ly hôn vợ, bị cáo là lao động chính đang nuôi 02 con còn nhỏ, cha mẹ già yếu, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên mức hình phạt theo đề nghị Đại diện Viện kiểm sát là nghiêm khắc đối với bị cáo nên người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét nơi ở, biên bản khám nghiệm khám nghiệm trường, bản ảnh, biên bản thu giữ vật chứng, kết quả kiểm tra người nghi vấn sử dụng ma túy; Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

N là đối tượng nghiện ma túy nên thường xuyên sử dụng ma túy, khoảng giữa tháng 12/2021 N nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng, N đi xe khách đến khu vực ngã ba "3 con Cò" ở thị xã B, tỉnh Bình Dương mua 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng ma túy đá của đối tượng tên T (không rõ nhân thân, lai lịch). Số ma túy này N đã phân chia thành nhiều gói nhỏ để sử dụng dần. Do biết N là người nghiện ma túy nên ngày 20/01/2022, Đặng Xuân H rủ Nguyễn Anh T đến nhà N thuê tại khu phố T, phường Đ, thị xã B, tỉnh Bình Phước mua má túy về sử dụng. Tại đây, N lấy 01 gói ma túy chứa 2,0345 gam ma túy Methamphetamine bán cho H và T với giá 300.000 (ba trăm nghìn) đồng thì bị Lực lượng Công an kiểm tra phát hiện, bắt quả tang. Ngoài ra, khi khám xét phát hiện N còn tàng trữ 111.8593 gam Methamphetamine với mục đích để N sử dụng dần. Tổng số ma túy T giữ của N là 1A.3494 gam Methamphetamine.

Hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tại điểm b khoản 4 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng số 25/CT-VKSBP-P1 ngày 31/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi bị cáo thực hiện đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng của con người mà còn gây mất an ninh, trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân gia tăng, phát sinh của nhiều loại tội phạm, tệ nạn xã hội khác

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội trong khi toàn xã hội đang kiên quyết đấu tranh phòng, chống các loại tệ nạn và tội phạm về ma túy.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng năng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo 02 con còn nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó

khăn đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo xét thấy cần có mức hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo làm thuê nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu tiêu hủy các công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và các vật, tài sản không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu sung ngân sách số tiền 300.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có;

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 11 Pro màu xám của Huỳnh Gia L và 01 điện thoại di động màu xanh hiệu OPPO, 01 điện thoại di động màu xanh hiệu xiaomi, Model: M2002F4LG của bị cáo Nguyễn Văn N do không liên quan đến vụ án hoàn trả lại cho L và N;

- Đối với số tiền 9.076.000 đồng thu giữ của N, không có căn cứ xác định đây là số tiền do phạm tội mà có nên hoàn trả cho bị cáo N, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter màu Đen BS 93P1 - 102.85 thu giữ của Nguyễn Văn N: Qua xác minh thể hiện chiếc xe trên đứng tên chủ sở hữu hợp pháp là ông H, ông H cho con tên là Lê Quang Q mượn xe để sử dụng. Do Q mượn N số tiền 2.500.000 đồng nên để xe lại cho N giữ, hẹn khi trả tiền sẽ lấy lại xe nhưng đến nay Q chưa trả. Quá trình điều tra và tại phiên tòa N đồng ý trả lại xe mô tô BS 93P1 - 102.85 cho ông H. Đối với số tiền 2.500.000 đồng N cho Q mượn N tự giải quyết, không yêu cầu cơ quan pháp luật xử lý. Ngày 13/5/2022, ông H có đơn xin nhận lại xe mô tô kèm theo giấy tờ liên quan. Xét xe mô tô trên không liên quan đến vụ án, cần tuyên trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông H.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

[10] Vấn đề khác:

- Đối với Đặng Xuân H và Nguyễn Anh T là người mua ma túy đá của N về để sử dụng, nhưng sau khi đã mua nhưng chưa sử dụng thì bị bắt quả tang, số ma túy bị T giữ trên người H khi bị bắt có khối lượng là 0,0610 gam nên không đủ định lượng xử lý trách nhiệm hình sự về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" đối với H và T. Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị Công an thị xã B xử phạt hành chính đối với Đặng Xuân H và Nguyễn Anh T về hành vi "Tàng trữ trái phép chất

ma túy" Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Huỳnh Gia L là người ở chung nhà với Nguyễn Văn N, nhưng N và L đều khai L không biết việc N để ma túy trong nhà; N, L, H, T đều khai khi N bán ma túy cho H, T thì L không có mặt và không biết, bản thân L cũng không sử dụng ma túy, ngoài ra không có chứng cứ nào khác nên không có cơ sở xử lý L vai trò đồng phạm với N. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với bà Nguyễn Thị Trung T là người cho N thuê nhà, trong quá trình N thuê nhà thì bà T không biết việc N sử dụng nhà làm nơi tàng trữ trái phép chất ma túy và mua bán trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với đối tượng tên T là người bán ma túy cho N, có dấu hiệu phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tuy nhiên do chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát chưa đề cấp nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xử lý.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa có căn cứ một phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (Hai) năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 16 (Mười sáu) năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 18 (Mười tám) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2022.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy các công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và các vật,

tài sản không còn giá trị sử dụng gồm:

+ 01 (một) bì thư dán kín đựng ma túy còn lại sau giám định ghi vụ số 33/M1 có chữ ký của đối tượng Nguyễn Văn N, Điều tra viên Nguyễn Văn T, Giám định viên Nguyễn Văn H và dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước;

+ 01 (một) bì thư dán kín đựng ma túy còn lại sau giám định ghi vụ số 33/M2 có chữ ký của đối tượng Nguyễn Văn N, Điều tra viên Nguyễn Văn T, Giám định viên Nguyễn Văn H và dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước;

+ 01 (một) túi niêm phong ký hiệu PS1 dán kín đựng ma túy còn lại sau giám định ghi vụ số 33/M3 có chữ ký của đối tượng Nguyễn Văn N, Điều tra viên Nguyễn Văn T, Giám định viên Nguyễn Văn H và dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước;

+ 01 loa màu xanh hiệu "SU.YOSO";

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy;

+ 01 ví da màu đen;

+ 01 ví da màu đen kích thước (33xAx2,2) cm;

+ 01 bọc nylon màu đen kích thước (30,5x26,5) cm;

- Đối với số tiền 9.376.000 đồng: Tịch thu sung ngân sách 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; Số tiền còn lại 9.076.000 (Chín triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Trả lại cho chị Huỳnh Gia L 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 11 Pro màu xám;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động màu xanh hiệu OPPO, 01 điện thoại di động màu xanh hiệu xiaomi, Model: M2002F4LG.

- Trả lại cho ông H 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter màu Đen BS 93P1 - 102.85.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/6/2022 của Cục Thi hành dân sự tỉnh Bình Phước)

4. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng);

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND CC tại TP.HCM; (2)
- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- CQCSĐT - CA tỉnh Bình Phước; (1);
- CQTHAHS - CA tỉnh Bình Phước (1)
- PV 06 - CA tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Cục THADS tỉnh Bình Phước; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người bào chữa; (1)
- Người liên quan; (1)
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước; (1)
- THCTP; Lưu THS; Tòa HS (3).

Nguyễn Thị Nga